

Số: 05/2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 24 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT
Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;
Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 146/2025/QH15;
Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng
dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi
Thông tư số 31/2023/TT-BTC và Thông tư số 94/2024/TT-BTC;
Xét Tờ trình số 431/TTr-UBND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Gia Lai dự thảo Nghị quyết quy định một số mức chi sự nghiệp
bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 44/BC-KTNS
ngày 21 tháng 4 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân
tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.
Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định một số mức chi sự
nh nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

Điều 2. Mức chi

Mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 04 tháng 5 năm 2026.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Nghị quyết số 87/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định và Nghị quyết số 29/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định sửa đổi, bổ sung mục 1 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 87/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Bình Định hết hiệu lực kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

5. Trường hợp các văn bản được viện dẫn để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XIII, Kỳ họp thứ 2 (chuyên đề) thông qua ngày 24 tháng 4 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy; Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh, truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT; HSKH.

CHỦ TỊCH



Rah Lan Chung



Phụ lục

MỘT SỐ MỨC CHI SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH GIA LAI

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 05/2026/NQ-HĐND)

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể (ĐVT: 1.000 đồng)	Ghi chú
1	Lập nhiệm vụ, dự án:		Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.	
2	Họp hội đồng xét duyệt dự án, nhiệm vụ (nếu có)	Buổi họp		Không tính chi họp hội đồng đối với nhiệm vụ được giao thường xuyên hàng năm.
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	350	
	Thành viên, thư ký	Người/buổi	200	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	350	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng	Bài viết	200	
3	Lấy ý kiến thẩm định dự án bằng văn bản của chuyên gia và nhà quản lý (tối đa không quá 5 bài viết)	Bài viết	350	Trường hợp không thành lập Hội đồng.
4	Điều tra, khảo sát			
4.1	Lập mẫu phiếu điều tra	Phiếu mẫu được duyệt	300	
4.2	Chi cho đối tượng cung cấp thông tin			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể (ĐVT: 1.000 đồng)	Ghi chú
	- Cá nhân			
	+ Từ 30 chỉ tiêu trở xuống	Phiếu	35	
	+ Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Phiếu	45	
	+ Trên 40 chỉ tiêu	Phiếu	50	
	- Tổ chức			
	+ Từ 30 chỉ tiêu trở xuống	Phiếu	72	
	+ Trên 30 chỉ tiêu đến 40 chỉ tiêu	Phiếu	90	
	+ Trên 40 chỉ tiêu	Phiếu	100	
4.3	Chi cho điều tra viên; công quan trắc, khảo sát, lấy mẫu (trường hợp thuê ngoài)	Người/ngày công	Mức tiền công 01 người/ngày tối đa không quá 150% mức lương cơ sở, tính theo lương ngày do Nhà nước quy định cho đơn vị sự nghiệp công lập tại thời điểm thuê ngoài (22 ngày).	
4.4	Chi cho người dẫn đường	Người/ngày	100	<i>Chỉ áp dụng cho điều tra thuộc vùng núi cao, vùng sâu cần có người địa phương dẫn đường và người phiên dịch cho điều tra viên.</i>
4.5	Chi cho người phiên dịch tiếng dân tộc	Người/ngày	200	
5	Báo cáo tổng kết dự án, nhiệm vụ:	Báo cáo		<i>Tùy theo tính chất, quy mô của dự án, nhiệm vụ.</i>
	Nhiệm vụ		3.500	
	Dự án			
	<i>Dự án có giá trị dưới 500 triệu đồng</i>		4.000	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể (ĐVT: 1.000 đồng)	Ghi chú
	Dự án có giá trị từ 500 triệu đồng đến 5.000 triệu đồng		9.000	
	Dự án có giá trị trên 5.000 triệu đồng		11.000	
6	Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược, Hội đồng thẩm định quy hoạch bảo vệ môi trường, Hội đồng thẩm định khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, theo quyết định của cấp có thẩm quyền (nếu có)			
	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	500	
	Phó Chủ tịch Hội đồng (nếu có)	Người/buổi	400	
	Ủy viên, thư ký hội đồng	Người/buổi	200	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	
	Bài nhận xét của ủy viên phản biện	Bài viết	350	
	Bài nhận xét của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	200	
	Ý kiến nhận xét, đánh giá của chuyên gia, nhà quản lý đối với các báo cáo đã được chủ đầu tư hoàn thiện theo ý kiến của Hội đồng (số lượng nhận xét do cơ quan thẩm định quyết định nhưng không quá 03)	Bài viết	300	
7	Hội thảo khoa học (nếu có)			
	Người chủ trì	Người/buổi hội thảo	350	
	Thư ký hội thảo	Người/buổi hội thảo	200	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi hội thảo	100	

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể (ĐVT: 1.000 đồng)	Ghi chú
	Báo cáo tham luận	Bài viết	250	
8	Hội đồng nghiệm thu dự án, nhiệm vụ			
	Nghiệm thu nhiệm vụ:			
8.1	Chủ tịch hội đồng	Người/buổi	300	
	Thành viên, thư ký		150	
	Nghiệm thu dự án:			
8.2	Chủ tịch Hội đồng	Người/buổi	500	
	Thành viên, thư ký hội đồng		300	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Bài viết	350	
	Nhận xét đánh giá của ủy viên hội đồng (nếu có)	Bài viết	300	
	Đại biểu được mời tham dự	Người/buổi	100	
9	Chi hợp đồng lao động thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp xã	Người/tháng	Mức chi hợp đồng lao động tối đa bằng 1,5 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.	<i>Mức chi này là tối đa và chỉ áp dụng với các công việc cần hợp đồng</i>
10	Chi giải thưởng môi trường	Giải		
10.1	Tổ chức và cộng đồng			
	- Giải Nhất		10.000	
	- Giải Nhì		7.000	
	- Giải Ba		5.000	
	- Giải khuyến khích		3.000	
10.2	Cá nhân			

Số TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi cụ thể (ĐVT: 1.000 đồng)	Ghi chú
	- Giải Nhất		5.000	
	- Giải Nhì		3.000	
	- Giải Ba		2.000	
	- Giải khuyến khích		1.000	

